

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và công bố diện tích rừng, chủ rừng thuộc lưu vực Nhà máy thủy điện Trí Năng, huyện Lang Chánh

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 234/TTr-SNN&PTNT ngày 05/12/2019 về việc đề nghị phê duyệt và công bố diện tích rừng, chủ rừng thuộc lưu vực Nhà máy thủy điện Trí Năng làm cơ sở để chi trả dịch vụ môi trường rừng (kèm theo hồ sơ có liên quan),

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt và công bố diện tích rừng, chủ rừng thuộc lưu vực Nhà máy Thủy điện Trí Năng trên địa bàn huyện Lang Chánh và huyện Thường Xuân làm cơ sở để chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng với các nội dung chính như sau:

1. Tổng diện tích lưu vực nhà máy thủy điện Trí Năng trên địa bàn huyện Lang Chánh và huyện Thường Xuân: 3.823,0 ha; trong đó:

- Diện tích đất có rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng: 3.402,10 ha, chiếm 88,99%.

- Diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng: 339,83 ha, chiếm 8,89%.

- Diện tích đất khác (sông, suối, nông nghiệp...): 81,07 ha, chiếm 2,12%.

2. Tổng diện tích rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng cho Nhà máy thủy điện Trí Năng trên địa bàn huyện Lang Chánh và huyện Thường Xuân 3.402,10 ha, trong đó:

- Chủ rừng là tổ chức: 3.174,45 ha, chiếm 93,31 %.

- Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân: 227,65 ha, chiếm 6,69 %.

*(Chi tiết có phụ lục đính kèm)*

**Điều 2.** Căn cứ Điều 1, Quyết định này, các đơn vị sau đây có trách nhiệm:



1. Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh, Chi cục Kiểm lâm phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này; định kỳ hàng năm chỉ đạo, tổ chức rà soát, bổ sung diện tích rừng và danh sách chủ rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng cho Nhà máy thủy điện Trí Năng để thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác của số liệu diện tích rừng, đối tượng thụ hưởng dịch vụ môi trường rừng được xác định; đồng thời lập kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng gửi Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt hàng năm. Chủ trì, phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện Lang Chánh, Hạt Kiểm lâm huyện Thường Xuân, UBND các xã trong lưu vực và các đơn vị liên quan bổ sung, cập nhật đầy đủ diện tích rừng, chủ rừng trong lưu vực để xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng; thanh quyết toán kinh phí thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng theo đúng quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

3. UBND các huyện Thường Xuân, Lang Chánh chủ trì, phối hợp với Ban quản lý Quỹ bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh phê duyệt danh sách các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn có cung ứng dịch vụ môi trường rừng cho Nhà máy Thủy điện Trí Năng theo thẩm quyền để thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng hằng năm. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương, chủ rừng trong lưu vực chi trả dịch vụ môi trường rừng thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng và chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND huyện Lang Chánh, Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân; Giám đốc Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3, Quyết định;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Quỹ Bảo vệ và PT rừng Việt Nam;
- Lưu: VT, NN.

(MC159 12.19)

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Quyền**

**Phụ lục: Diện tích lưu vực, diện tích rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng của các chủ rừng thuộc lưu vực Nhà máy Thủy điện Trí Năng.**

(Kèm theo Quyết định số: 5224 /QĐ-UBND ngày 10 /12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chủ rừng	Diện tích tự nhiên của chủ rừng trong lưu vực (ha)	Diện tích rừng của chủ rừng trong lưu vực (ha)	Tỷ lệ diện tích rừng trong lưu vực (%)
<b>I</b>	<b>Chủ rừng là tổ chức</b>	<b>3.375,80</b>	<b>3.174,45</b>	<b>93,31</b>
1	Ban quản lý rừng phòng hộ Lang Chánh	3.028,52	2.827,17	
2	Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Sông Chu (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ Thường Xuân theo Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của UBND tỉnh và Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)	347,28	347,28	
<b>II</b>	<b>Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân</b>	<b>447,20</b>	<b>227,65</b>	<b>6,69</b>
1	Hộ gia đình, cá nhân thôn Năng Cát, xã Trí Năng (49 hộ).	447,20	227,65	
	<b>TỔNG</b>	<b>3.823,0</b>	<b>3.402,10</b>	<b>100</b>

*Ghi chú:* Chi tiết diện tích rừng (lô, khoảnh, tiểu khu rừng) có cung ứng dịch vụ môi trường rừng được xác định theo Báo cáo số 308/BC-BQLQ ngày 02/12/2019 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh.